

Bản án số 29/2017/HSST

Ngày 28-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với tHnh phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đắc Tuyên
2. Ông Trần Quang Thương

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng - Cán bộ Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận D tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2017/HSST ngày 02/10/2017 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn L**, sinh ngày: 23/12/1993; tại Hải Phòng. ĐKKHKT và trú tại: Tổ 6, phường H, quận D, Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 14/6/2017 đến ngày 23/6/2017 chuyển tạm giam. Có mặt.

2. **Phạm Văn T**, sinh ngày: 14/8/1995; tại Hải Phòng. ĐKKHKT và trú tại: Tổ 6, H, D, Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Phạm Văn H và bà Bùi Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 20/6/2017 đến ngày 23/6/2017 chuyển tạm giam. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

1. *Người bị hại:*

1.1 Anh Bùi Đức K, sinh năm 1976; trú tại: Số 264, Dự án A 7, phường A, quận D, Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa.

1.2 Ông Đinh Ngọc H, sinh năm 1959; trú tại: Số 39/170 C, phường A, quận L, Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa

1.3 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960; trú tại: Số nH N4 khu dự án M, phường A, quận D, Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa

1.4 Bà Vũ Thị Minh H, sinh năm 1953; trú tại: Lô 37 – 38 khu Biệt thự A 8, phường A, quận D, Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa

1.5 Chị Đoàn Thị Thúy H, sinh năm 1983; trú tại: Số nhà G49 A, khu dự án Mê L, phường A, quận D, Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Nguyên đơn dân sự:

2.1 Trường mầm non phường H, quận D, Hải Phòng; địa chỉ: Tổ 8, phường H, quận D, Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị M - Phó hiệu trưởng. Có mặt tại phiên tòa.

2.2 Ban quản lý dự án A 7; địa chỉ: Phường A, quận D, Hải Phòng. Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Văn P - Trưởng ban. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 195/292 L, phường K, quận L, Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nguyễn Văn L và Phạm Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau: Do cần tiền ăn tiêu nên Nguyễn Văn L và Phạm Văn T đã cùng nhau thực hiện một số vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: khoảng 08h00` ngày 24/10/2016, Nguyễn Văn L bàn bạc với Phạm Văn T đi tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản, T đồng ý. L chuẩn bị 01 tuốc nơ vít, 01 xà beng, 01 búa rìu cho vào ba lô rồi điều khiển xe máy BKS: 15AL-00311 chở T phía sau đi đến nhà anh Bùi Đức K. Tại đây, L, T dùng búa rìu phá vỡ ô cửa kính rồi vào trong nH, phá két sắt trộm cắp tài sản gồm: 28 tờ tiền Đô la Mỹ mệnh giá 2USD; số tiền 500 nhân dân tệ (tiền T Quốc); 01 dây chuyền bằng kim loại màu trắng có mặt hình bông hoa; 01 nhẫn màu vàng; 03 đồng hồ đeo tay và số tiền 200.000đ. Sau khi trộm cắp được những tài sản trên, L và T đem tiền USD, Nhân dân tệ, dây chuyền, nhẫn kim loại bán được 6.350.000đ, 03 chiếc đồng hồ bán cho những người không quen biết được 700.000đ, tổng tài sản trộm cắp bán được 7.050.000đ và số tiền 200.000đ trộm cắp được, L và T ăn tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 15 ngày 22/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự quận D kết luận 28 tờ tiền Đô la Mỹ mệnh giá 2USD

bằng 1.247.120đ, 500 nhân dân tệ (tiền Trung Quốc) bằng 1.677.000đ. Tổng giá trị tài sản là 2.924.120đ. Làm tròn là 2.924.000đ.

Đối với 01 dây chuyền bằng kim loại màu trắng có mặt hình hoa; 01 nhẫn màu vàng, 03 đồng hồ đeo tay và chiếc kết sắt, Hội đồng định giá tài sản không có căn cứ để định giá. Do chưa làm rõ các đặc điểm tài sản này nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận D tách phần tài sản này ra để làm rõ xử lý sau.

Vụ thứ hai: Khoảng 20h ngày cuối tháng 12/2016, Nguyễn Văn L điều khiển xe máy BKS 15AL-00311 mang theo 01 búa rìu, 01 tuốc nơ vít đi đến nhà thuộc Ban quản lý dự án A 7, phường A, quận D, Hải Phòng. Sau khi phát hiện trụ sở không có người trông coi, L dùng búa rìu đập vỡ cửa kính vào trong nhà trộm cắp 01 cây CPU máy tính và số tiền 2.500.000đ của ông Đinh Ngọc H để trong ngăn kéo bàn làm việc. Sau khi trộm cắp được tài sản L mang CPU máy tính bán cho Nguyễn Văn Q được 700.000đ và ăn tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 22 ngày 13/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự quận D kết luận: 01 cây CPU máy tính trị giá 2.800.000đ. Giá trị thiệt hại ô cửa kính bị vỡ là 200.000đ.

Vụ thứ ba: Khoảng 20h00' ngày đầu tháng 01/2017, Nguyễn Văn L bàn với Phạm Văn T cùng đi trộm cắp tài sản. L chuẩn bị 01 tuốc nơ vít, 01 xà beng, 01 búa rìu cho vào ba lô rồi điều khiển xe máy BKS: 15AL-00311 chở T phía sau. Khi đi đến khu dự án A, phát hiện nhà anh Nguyễn Văn T, không có người trông coi, L và T đã phá khóa vào trong nhà trộm cắp tài sản gồm: 01 cây máy tính CPU nhãn hiệu SAMSUNG, 01 máy tính bảng nhãn hiệu GALAXY TAP3.

Sau khi trộm cắp được tài sản L mang cây máy tính CPU bán cho anh Nguyễn Văn Quý được 200.000 đồng. Chiếc máy tính bảng nhãn hiệu GALAXY TAP3 T đem bán ở đường L cho người đàn ông đi đường không quen biết được 300.000đ. Số tiền trên T và L chi tiêu hết. Ngoài các tài sản trên, anh Nguyễn Văn T còn trình báo bị mất trộm 01 máy ảnh nhãn hiệu SONY NEX6, tuy nhiên L và T đều không thừa nhận lấy máy ảnh như anh T trình báo. Ngoài lời khai của anh T không có tài liệu nào chứng M được L và T đã trộm cắp máy ảnh này nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận D không xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16 ngày 23/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự quận D kết luận: 01 cây máy tính CPU nhãn hiệu SAMSUNG trị giá 1.200.000đ; 01 máy tính bảng nhãn hiệu GALAXY TAP3 màu trắng trị giá 3.500.000đ. Tổng giá trị là 4.700.000đ.

Vụ thứ tư: Khoảng 19h30' tháng 03/2017, Nguyễn Văn L điều khiển xe máy BKS 15AL- 00311 mang theo balô bên trong có 01 búa rìu, 01 tuốc nơ vít đến nhà bà Vũ Thị Minh H, khi phát hiện không có người ở nhà, L trèo qua cổng dùng tuốc

nơ vít cây phá cửa sổ vào trong nhà trộm 01 máy tính bảng Ipad 3 và số tiền 2.100.000đ.

Sau khi trộm cắp được L mang máy tính bảng Ipad 3 bán cho Nguyễn Văn Q được 1.500.000đ, số tiền trên L chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 24 ngày 13/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự quận D kết luận 01 máy tính bảng Ipad 3 trị giá 4.700.000đ.

Vụ thứ năm: Khoảng 20h30` ngày cuối tháng 3/2017, Nguyễn Văn L điều khiển xe máy BKS 15AL- 00311 mang theo balô bên trong có 01 búa rìu, 01 tuốc nơ vít, 01 lưỡi cưa sắt đi đến nhà chị Đoàn Thị Thúy H. Khi thấy trong nhà không có người, L dùng cưa sắt cưa thanh sắt cửa sổ chui vào trong nhà trộm cắp 01 kết sắt loại kết sắt nhỏ, mang ra khu vực cánh đồng thuộc phường H, quận D phá và lấy tài sản trong kết gồm: 01 nhẫn vàng; 01 lắc đeo tay bằng vàng; 03 đôi khuyên tai vàng; 01 vòng đeo cổ bằng vàng. Chiếc kết và một số giấy tờ của chị gia đình H được cất trong kết L đã đem vứt đi. Sau khi trộm cắp tài sản của nhà chị H, L đem bán những tài sản trên tại các hiệu vàng trên đường L, quận N, Hải Phòng được 14.200.000đ và ăn, tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 21 ngày 13/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự quận D kết luận: 01 nhẫn vàng Italia, trọng lượng 02 chỉ, loại vàng 18K có giá trị là 5.236.000đ; 01 lắc đeo tay bằng vàng Italia, trọng lượng 02 chỉ, loại vàng 18K có giá trị là 5.236.000đ; trị giá vàng của 01 đôi khuyên tai vàng Italia nhỏ, loại vàng 18k, mỗi đôi có trọng lượng 01 chỉ là 5.236.000đ; 01 vòng đeo cổ bằng vàng Italia trọng lượng 1,5 chỉ, loại vàng 18k có trị giá là 3.927.000đ; 01 đôi khuyên tai vàng Italia, loại vàng 18k, trọng lượng 02 có trị giá là 5.236.000đ; 01 kết sắt nhãn hiệu Hàn Quốc sản xuất trị giá 500.000đ. Tổng giá trị sản định giá được 25.371.000đ. Số tài sản trên cùng kết sắt, giấy tờ cơ quan điều tra không thu hồi được và chưa được bồi thường.

Vụ thứ sáu: Khoảng 02h00` ngày 08/6/2017, L đi bộ đến Trường mầm non H thuộc tổ 8, phường H, quận D, TP Hải Phòng. Tại đây, L trèo qua cổng chính của trường vào bên trong, phá khóa phòng họp trộm cắp 01 cây máy tính CPU, sau đó đi vào phòng hiệu trưởng (cửa phòng không khóa) lấy 01 máy Laptop nhãn hiệu ASUS màu trắng, tiếp đó L dùng tuốc nơ vít mang theo từ trước cây phá khóa cửa phòng hiệu phó lấy 01 Laptop nhãn hiệu ASUS màu trắng và số tiền 158.000đ để trong ngăn kéo bàn làm việc. Sau khi lấy được tài sản, L mang về nhà cất giấu, đến 10h cùng ngày L mang số tài sản trên bán cho Nguyễn Văn Q được 6.500.000đ. Tổng cộng tiền trộm cắp và tiền bán tài sản do trộm cắp được là 6.658.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14 ngày 16/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự quận D kết luận: 02 máy tính xách tay (laptop) nhãn hiệu

Asus X553MA-XX138D đã qua sử dụng trị giá 9.000.000đ, mỗi máy trị giá 4.500.000đ; 01 ổ máy cứng (CPU). Tổng giá trị tài sản 13.200.000đ.

Sau khi biết tài sản L bán cho mình là do trộm cắp mà có, ngày 14/6/2017 anh Nguyễn Văn Q đã nộp lại toàn bộ tài sản cho cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận D, gồm: 01 CPU, 02 Laptop nhãn hiệu ASUS. Số tài sản này cơ quan điều tra đã trả lại cho Trường Mầm non H.

Ngoài những lần trộm cắp trên, ngày 24/4/2017, L còn đến nhà anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm: 1992, chỗ ở: Số nhà G21A khu dự án ML, phường A, quận D, TP Hải Phòng trộm cắp một số tài sản, tuy nhiên hiện nay bị hại là anh V không có mặt tại địa P nên chưa làm rõ được đặc điểm, giá trị tài sản thiệt hại. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận D tiếp tục làm rõ xử lý sau. Theo lời khai của Nguyễn Văn L, trong tháng 6/2017 L còn đến nhà chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982, và nhà chị Phạm Thị A, sinh năm: 1979, ở tổ 5, 6 phường H, quận D để trộm cắp tài sản nhưng không trộm cắp được tài sản gì. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận D không xử lý.

Khi bắt giữ L, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ của bị cáo L 01 kim cộng lực cán màu xanh; 01 tuốc nơ vít cán nhựa màu vàng; 01 ổ khóa kim loại có nhãn hiệu Việt Tiệp; 01 ba lô màu đen có nhãn hiệu team SOLOMID và số tiền 1.500.000đ anh Đoàn Đắc C nộp lại (tiền L trả nợ cho anh C).

Chiếc xe mô tô BKS 15AL-00311 Nguyễn Văn L sử dụng làm P tiện đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định đây là xe thuộc sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1968; trú tại: Tổ 6 phường H, quận D (là bố đẻ của L). Khi L lấy xe đi ông N không biết L đi trộm cắp tài sản, nên cơ quan điều tra không xử lý.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Q không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 6.500.000đ là tiền anh đã mua tài sản của L ngày 08/6/2017.

Nguyễn Văn Q đã có 04 lần mua tài sản của Nguyễn Văn L nhưng không biết đây là tài sản trộm cắp mà và đã tự nguyện nộp lại tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận D không xử lý.

Tại cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 02/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 138 Khoản 2 điểm e Bộ luật Hình sự; truy tố Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 138 Khoản 1 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung trên.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L và Phạm Văn T đồng phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L mức án từ 36 đến 42 tháng tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T mức án từ 15 đến 18 tháng tù;

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 288, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự đề nghị:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn L và Phạm Văn T phải liên đới bồi thường cho anh Bùi Đức K số tiền 3.124.000đ, bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 4.700.000đ.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường cho chị Vũ Thị Minh H số tiền 6.800.000đ; bồi thường cho chị Đoàn Thị Thúy H số tiền 25.371.000đ.

Về yêu cầu của chị H buộc bị cáo L bồi thường số tiền 20.000.000đ để làm lại giấy tờ bị mất, tại phiên tòa bị cáo L chấp nhận yêu cầu này do đó đề nghị HĐXX công nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

- Trường Mầm non H, chị Đào Thúy M, Ban quản lý dự án A 7 và anh Đinh Ngọc H không yêu cầu bị can L và T phải bồi thường số tài sản, tiền bị mất và ô cửa kính bị hư hỏng; anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 6.500.000đ đã mua tài sản do L phạm tội mà có nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết. Các khoản tiền: 158.000 đồng của chị Đào Thị M, 2.500.000đ của anh Đinh Ngọc H, 6.500.000đ anh Q trả cho L và 700.000đ tiền L bán CPU máy tính chiếm đoạt của Ban quản lý dự án nhà ở A 7, tổng là 9.858.000đ. Đây là số tiền bị cáo L hưởng lợi bất chính nên cần buộc bị cáo nộp lại sung quỹ nhà nước.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 kìm cộng lực cán màu xanh; 01 tuốc nơ vít cán nhựa màu vàng; 01 ổ khóa kim loại có nhãn hiệu Việt Tiệp; 01 ba lô màu đen có nhãn hiệu team SOLOMID không còn giá trị sử dụng.

Đề nghị tuyên tạm giữ số tiền 1.500.000đ của bị cáo do anh Đoàn Đắc C nộp lại để đảm bảo thi Hành án.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ tài liệu chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản ghi lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2016 đến tháng 6/2017, Nguyễn Văn L đã có 06 lần lợi dụng sơ hở, lén lút tiếp cận và chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn quận D với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 58.653.000đ; Phạm Văn T có 02 lần cùng Nguyễn Văn L lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác (Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 02 lần là 7.824.000đ). Hành vi của các bị cáo cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", vi phạm Điều 138 Bộ luật Hình sự do đó Viện Kiểm sát nhân dân quận D truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Quá trình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Nguyễn Văn L đã trực tiếp thực hiện cả 06 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 58.653.000đ vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự. Phạm Văn T là người thực hiện cùng với L 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.824.000đ nên bị cáo T chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu của cá nhân, cơ quan, tổ chức là khách thể được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, vì vậy cần phải có hình phạt, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của các bị cáo.

Đây là vụ án có đồng phạm, do đó cần phân hóa vai trò phạm tội của các bị cáo để có cơ sở cá thể hóa trách nhiệm hình sự. Các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công cụ thể, cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Trong vụ án này, L là người đề xuất; đồng thời trong quá trình trộm cắp tài sản, L là người thực hành tích cực khi là người thực hiện cả 06 lần trộm cắp tài sản vì vậy L giữ vai trò chính trong vụ án. Đối với Phạm Văn T, là đồng phạm cùng giúp sức và thực hành trong hai lần trộm cắp tài sản cùng với L nên giữ vai trò thứ yếu trong vụ án.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần (bị cáo L 06 lần, bị cáo T 02 lần). Vì vậy, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Bị cáo L có 06 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản song bị cáo không lấy việc phạm tội làm nguồn sống chính nên không thuộc tình tiết tăng nặng định khung hình phạt "có tính chất chuyên nghiệp" quy định tại

khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Bị cáo L chiếm đoạt tài sản của Trường mầm non H - đơn vị hành chính sự nghiệp công lập do đó "Xâm hại tài sản của nhà nước" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung đã xóa bỏ tình tiết tăng nặng này nên bị cáo L không phải chịu tình tiết tăng nặng nêu trên theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung và Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Văn T còn có thời gian tham gia quân ngũ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào vai trò phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo tuy nhân thân chưa có tiền án, tiền sự nhưng trong một thời gian dài đã thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần, của nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức khác nhau trên địa bàn quận D. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L trên mức khởi điểm của khung hình phạt tù quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo Phạm Văn T trên mức khởi điểm của khung hình phạt tù quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh Bùi Đức K và anh Nguyễn Văn T đối với bị cáo L và T là có căn cứ, cần buộc bị cáo Nguyễn Văn L và Phạm Văn T phải liên đới bồi thường cho anh Bùi Đức K số tiền 3.124.000đ, bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 4.700.000đ.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường cho chị Vũ Thị Minh H số tiền 6.800.000đ; bồi thường cho chị Đoàn Thị Thúy H số tiền 25.371.000đ.

- Về yêu cầu của chị H buộc bị cáo L bồi thường số tiền 20.000.000đ để làm lại giấy tờ; tại phiên tòa, bị cáo L chấp nhận bồi thường số tiền như chị H yêu cầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo. Tổng số tiền L phải bồi thường cho chị H là 45.371.000đ.

- Trường Mầm non H, Chị Đào Thúy M, Ban quản lý dự án A 7 và anh Đinh Ngọc H không yêu cầu bị can L và T phải bồi thường số tài sản, tiền bị mất và ô

cửa kính bị hư hỏng; anh Nguyễn Văn Q sau khi biết tài sản do các bị cáo phạm tội mà có đã tự nguyện nộp lại để trả cho chủ sở hữu, anh Q không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả tiền đã mua tài sản nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Bị cáo L đã hưởng lợi bất chính các khoản tiền gồm: 158.000 đồng của chị Đào Thị M, 2.500.000đ của anh Đinh Ngọc H, 6.500.000đ anh Q trả cho L và 700.000đ tiền L bán CPU máy tính chiếm đoạt của Ban quản lý dự án nhà ở A, tổng là 9.858.000đ cần buộc bị cáo nộp lại sung quỹ nhà nước.

Anh Bùi Đức K còn khai mất 01 dây chuyền bằng kim loại màu trắng có mặt hình hoa; 01 nhẫn màu vàng, 03 đồng hồ đeo tay và chiếc kết sắt. Tuy nhiên chưa đủ có sở xác định đặc điểm tài sản này nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận D tách phần tài sản này ra để làm rõ xử lý sau do đó Hội đồng xét xử không xem xét, sau có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về vật chứng vụ án: 01 kim cộng lực cán màu xanh; 01 tuốc nơ vít cán nhựa màu vàng; 01 ổ khóa kim loại có nhãn hiệu Việt Tiệp; 01 ba lô màu đen có nhãn hiệu team SOLOMID không còn giá trị sử dụng cần áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đoàn Đắc C có nộp cho cơ quan điều tra số tiền 1.500.000 đồng L trả nợ cho anh. Đây là tiền của bị cáo L nên trả lại cho bị cáo. Tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm. Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn L và Phạm Văn T đồng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2017.

- Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 288, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L và Phạm Văn T phải liên đới bồi thường cho anh Bùi Đức K số tiền 3.124.000đ (Ba triệu một trăm hai mươi tư nghìn đồng), mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh K 1.562.000đ (Một triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn) đồng và bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 4.700.000đ (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng), mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh T 2.350.000 (Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường cho chị Vũ Thị Minh H số tiền 6.800.000đ (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng); bồi thường cho chị Đoàn Thị Thúy H số tiền 45.371.000đ (Bốn mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi một nghìn đồng).

- Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu, tiêu hủy: 01 kim cộng lực cán màu xanh; 01 tuốc nơ vít cán nhựa màu vàng; 01 ổ khóa kim loại có nhãn hiệu Việt Tiệp; 01 ba lô màu đen có nhãn hiệu team SOLOMID không còn giá trị sử dụng (theo quyết định chuyển vật chứng số 15/QĐ-VKS ngày 02/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L nộp lại số tiền 9.858.000đ hưởng lợi bất chính để sung quỹ nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chưa bồi thường, nộp số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L số tiền 1.500.000 đồng do anh Đoàn Văn C giao nộp. Tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng Điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo L phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.804.000 đ (Hai triệu tám trăm lẻ bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo T phải nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn dân sự là Trường mầm non H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và nguyên đơn dân sự là Ban quản lý dự án A 7 vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân quận D, HP;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng;
- Toà án nhân dân TP Hải Phòng;
- U.B.N.D phường H, D, HP;
- Công an quận D;
- PV 27 Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THA dân sự quận D, HP;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Trung

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Thương Bùi Đắc Tuyên Vũ Quang T